

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH LỢI  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-ST

Ngày: 24- 6- 2021

*V/v tranh chấp đòi tài sản*

*và bồi thường thiệt hại về tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Trang Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Phạm Văn Sáu

2/ Ông Đào Văn Vĩnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về “*tranh chấp đòi tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1950

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp D, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

**- Ủy ban nhân dân huyện V**

Địa chỉ trụ sở: Ấp X, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông K, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, (theo văn bản ủy quyền số 10/GUQ ngày 09 tháng 6 năm 2021).

**- Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện V**

Địa chỉ trụ sở: Ấp X, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà L, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H, (theo văn bản ủy quyền số 03/GUQ ngày 21 tháng 6 năm 2021).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông A trình bày:* Vào năm 2000, ông A nhận chuyển nhượng công bồi đắp đất của ông Nguyễn X, hai bên có làm giấy tay. Đến năm 2014 ông X trả đất cho ông A và tự chỉ ranh bồi đắp có Thanh tra huyện, theo biên bản làm việc ngày 30/9/2014, đất có chiều ngang 05m chiều dài từ mé lộ năm 2002 ra giữa sông 17m hiện nay giáp ranh hàng rào của ông Ba Nhỏ, tọa lạc ấp X, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Thời điểm ông B giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông A, nội dung Quyết định số 08 đã thu hồi đất của ông A vì cho rằng đất tranh chấp là đất công thổ quốc gia hành lang lộ giới và giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn H quản lý làm quỹ đất công. Phần đất ông B thu hồi là không đúng vì toàn tuyến mấy trăm hộ dân đã bồi đắp và tạm sử dụng, làm lộ thì được bồi thường công bồi đắp, đất còn dư vẫn được sử dụng. Sau khi ông B thu hồi đất của ông A là phần đất trống, giao Ủy ban nhân dân thị trấn H quản lý làm quỹ đất công nhưng lại cho con ông X cất nhà trên đất nên ông A không đồng ý. Ông A yêu cầu ông B tháo dỡ nhà của con ông X để trả lại đất trống cho ông A.

Đồng thời, ông A yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 220.000.000 đồng. Do thời điểm ông B còn giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 08 nêu trên không đúng quy định pháp luật nên ông A phải đi thưa kiện. Tại Bản án số 01 ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện V, Ủy ban nhân dân đã thu hồi Quyết định số 08 nêu trên. Từ khi Bản án số 01 ngày 27/9/2016 có hiệu lực pháp luật, đến nay đã hơn 05 năm nhưng ông B không trả đất cho ông A sử dụng nên đã gây thiệt hại cho ông A. Số tiền thiệt hại 220.000.000 đồng gồm: tiền in ấn giấy tờ thưa kiện, tiền công lao động phải bỏ việc làm đi thưa kiện, tiền hoa lợi thu trên đất. Số tiền cụ thể mỗi loại chi phí thì ông A không tính được, ông A chỉ tạm tính 01 tháng ông A thiệt hại 4.000.000 đồng. Ông A yêu cầu bồi thường trong thời gian 55 tháng x 4.000.000 đồng/tháng = 220.000.000 đồng.

*Bị đơn ông B trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 4 năm 2021:* Phần đất do ông A nhận chuyển nhượng công bồi đắp của ông X là đất bảo lưu ven sông, hiện là đất hành lang lộ giới tuyến Quốc lộ 1A và giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn H quản lý để chờ Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết. Thời điểm ông B giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 08 là ông B thực hiện công việc theo pháp luật quy định. Tháng 10 năm 2020, ông B đã nghỉ hưu nên ông B không còn liên quan đến công việc của Ủy ban nhân dân huyện V. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông A thì ông B không đồng ý do ông B không lấy đất của ông A cho con ông X cất nhà ở và không gây thiệt hại cho ông A.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V, ông K là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:* Phần đất mà ông A nhận chuyển nhượng công bồi đắp của ông X có nguồn gốc là con sông cũ, hiện đất thuộc phạm vi hành lang an toàn lộ giới tuyến Quốc lộ 1A, do nhà nước quản lý. Ủy ban nhân dân huyện V đã giao phần đất này cho Ủy ban nhân dân thị trấn H quản lý, trông

coi không cá nhân, tổ chức nào được sử dụng. Thời điểm năm 2019, gia đình ông X có cất nhà trên đất, nhưng sau đó gia đình ông X đã tháo dỡ trả đất cho nhà nước.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Vĩnh Lợi, bà L là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:* Phần đất mà ông A nhận chuyển nhượng công bồi đắp của ông X có nguồn gốc là con sông cũ, hiện đất thuộc phạm vi hành lang an toàn lộ giới tuyến Quốc lộ 1A, do nhà nước quản lý. Phần đất này, Ủy ban nhân dân thị trấn H quản lý, trông coi không cá nhân nào được sử dụng. Thời điểm năm 2019, gia đình ông X có cất nhà trên đất, nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn đã vận động gia đình ông X tháo dỡ và đã trả đất cho nhà nước. Hiện trạng đất trống trên đất có 04 trụ đá do Ủy ban nhân dân thị trấn cắm. Đối với yêu cầu khởi kiện trả đất của ông A thì Ủy ban nhân dân thị trấn không đồng ý.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B. Án phí dân sự sơ thẩm ông A phải chịu nhưng do ông A thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A xác định không tranh chấp đất đai với ông B, cũng không tranh chấp đất đai với ông X. Ông A yêu cầu ông B tháo dỡ căn nhà của con ông X, để trả lại phần đất trống mà ông A đã nhận chuyển nhượng công bồi đắp của ông X nên quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản theo quy định khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của ông A về việc yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại số tiền 220.000.000 đồng, là tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông B trú tại ấp D, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân thị trấn H đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B, người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện V và người đại diện của Ủy ban nhân dân thị trấn H theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của ông A đối với ông B về yêu cầu ông B tháo dỡ căn nhà của con ông X để trả lại đất mà ông A nhận chuyển nhượng công bồi đắp của ông X;

[3.1.1] Ông A cho rằng thời điểm ông B giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 có nội dung thu hồi phần đất mà ông A nhận chuyển nhượng công bồi đắp của ông X. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông A không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản mà yêu cầu Tòa án căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 30/9/2014 của Thanh tra huyện V, là đất có chiều ngang 05m, chiều dài 17m từ mé lộ ra giữa sông hiện giáp ranh với hàng rào của ông Ba Nhỏ, tọa lạc ấp Xẻo Chích, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[3.1.2] Tại biên bản xác minh ngày 12/5/2021, bà T là vợ của ông X, thể hiện phần đất vợ chồng bà T chuyển nhượng công bồi đắp cho ông A là con sông cũ, phần đất này Nhà nước đã thu hồi và Ủy ban nhân dân thị trấn H đang quản lý có cặm 04 trụ đá trên đất, hiện trạng đất trống. Lời khai của anh K là con của ông X cùng vợ anh K là chị Ng xác định năm 2019, vợ chồng anh K và chị Ng có cất nhà trên đất do Nhà nước quản lý. Nhưng cùng năm 2019 vợ chồng anh K đã tháo dỡ nhà trả lại đất cho Nhà nước, giữa anh K với ông B không có giao dịch tặng cho hay thuê quyền sử dụng đất. Như vậy, lời khai của bà T, anh K, chị Ng đều xác định phần đất gia đình ông X chuyển nhượng công bồi đắp cho ông A hiện trạng đất trống, không có nhà của con ông X.

[3.1.3] Theo bà L là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn H xác định phần đất ông A nhận chuyển nhượng công bồi đắp của ông X có nguồn gốc lòng sông cũ, quá trình sử dụng ông X bồi đắp đất và chuyển nhượng cho ông A, phần đất thuộc hành lang an toàn lộ giới tuyến Quốc lộ 1A do Nhà nước quản lý, không có cá nhân tổ chức nào được sử dụng, vào năm 2019 gia đình ông X đã tự nguyện tháo dỡ căn nhà tạm trên đất và trả đất lại cho Nhà nước, hiện trạng đất trống có 04 trụ đá do Ủy ban nhân dân thị trấn H cặm trên đất để quản lý. Mặt khác, tại phiên tòa, ông A cũng xác định phần đất mà ông A yêu cầu không phải đất của ông B. Thấy rằng, phần đất ông A yêu cầu ông B trả lại, không thuộc quyền sử dụng đất của ông B, hiện trạng đất trống nên việc ông A yêu cầu ông B tháo dỡ nhà của con ông X để trả lại đất trống cho ông A sử dụng là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của ông A về việc yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 220.000.000 đồng; ông A cho rằng thời điểm ông B giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 gây thiệt hại cho ông A, do Quyết định số 08 đã bị thu hồi nhưng ông B không giao trả đất cho ông A sử dụng và đã gây thiệt hại cho ông A. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông A không yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện V bồi thường thiệt hại do việc thu hồi Quyết định số 08 nêu trên mà chỉ yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại cho ông A.

[3.2.1] Căn cứ quy định tại mục I.1 của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: "...Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố

sau đây: 1.1. Phải có thiệt hại xảy ra...; 1.2. Phải có hành vi trái pháp luật...; 1.3. Phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi trái pháp luật và ngược lại hành vi trái pháp luật là nguyên nhân gây ra thiệt hại; 1.4. Phải có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý của người gây thiệt hại...”.

[3.2.2] Thấy rằng, ông A không cung giấy tờ chứng minh thiệt hại mỗi tháng 4.000.000 đồng là tiền in ấn giấy tờ thừa kiện, tiền công lao động phải bỏ việc làm đi thừa kiện, tiền hoa lợi thu trên đất nên không có căn cứ xác định thiệt hại. Mặt khác, thời điểm ông B giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi là thực hiện công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định. Do vậy, việc ông A cho rằng ông B gây thiệt hại cho ông A và yêu cầu ông B bồi thường số tiền 220.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B, về việc yêu cầu ông B tháo dỡ nhà của con ông X và yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại số tiền 220.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch và 11.000.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Nhưng do ông A là người cao tuổi, có đơn xin miễn, giảm tiền tạm ứng án phí và án phí nên ông A được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí.

[6] Từ đó, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1.** Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B, về việc yêu cầu ông B tháo dỡ nhà của con ông X và yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại số tiền 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch và 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Nhưng do ông A là người cao tuổi, có đơn xin miễn, giảm tiền tạm ứng án phí và án phí nên ông A được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí.

**3.** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Ngô Trang Thảo**